

## SOẠN TIẾNG ANH LỚP 11 THEO TỪNG UNIT

### UNIT 2: RELATIONSHIPS - LOOKING BACK

#### I. Mục tiêu bài học

##### 1. Aims:

By the end of this Unit, students will be able to:

- review pronunciation, vocabulary, and grammar

##### 2. Objectives:

- Vocabulary: related to the topic "Relationships"

- Grammar: linking verb, cleft sentence

#### II. Soạn giải tiếng Anh lớp 11 Unit 2 Looking back

##### PRONUNCIATION

1. Underline the words which could be contracted in these exchanges.

Gạch dưới những từ có thể viết tắt trong những lời hội thoại này.

##### Đáp án

1. A: she is = she's

2. A: I am = I'm

B: You have = You've

3. It would = It'd

B: can not = can't, he is = he's

4. A: It is = It's, will not = won't

B: do not = don't

### **Hướng dẫn dịch**

1. A: Giáo viên của tôi sẽ gọi điện thoại để nói rằng cô ấy đang đến dự bữa tiệc.

B: Tôi hy vọng cô ấy đến.

2. A: Tôi không chắc mình sẽ vượt qua kỳ thi này hay không.

B: Nhưng tôi chắc chắn. Bạn đã học rất chăm chỉ.

3. A: Tốt hơn là anh ta nói chuyện với bố mẹ về những vấn đề của mình.

B: Anh ấy không thể làm được vì anh ấy đang sống với ông ngoại.

4. A: Rất khó đọc chữ viết tay của bạn. Giáo viên của chúng tôi sẽ không chấp nhận bài của bạn.

B: Tôi hy vọng cô ấy chấp nhận. Tôi không có thời gian để gõ.

**2. Listen to check your answers. Nghe để kiểm tra lại câu trả lời của em.**

### **Bài nghe**

## **VOCABULARY**

**1. Complete the sentences with the correct forms of the words or phrases in the box. Hoàn thành các câu sau bằng dạng đúng của từ / cụm từ cho trong khung.**

**Đáp án**

1. dating
2. lend an ear
3. romantic relationships
4. meet face to face
5. broke up
6. be in a relationship

**Hướng dẫn dịch**

1. Các dịch vụ hẹn hò trực tuyến đã giúp rất nhiều người độc thân tìm kiếm chồng hoặc vợ tương lai.
2. Khi tôi gặp rắc rối, bạn bè thân thiết của tôi luôn sẵn sàng lắng nghe chia sẻ và cho tôi một số lời khuyên.
3. Các mối quan hệ lãng mạn của thanh thiếu niên chỉ kéo dài vài tuần hoặc vài tháng.
4. Tôi không muốn kết bạn trực tuyến vì chúng tôi không thể gặp mặt trực tiếp.
5. Cô cảm thấy rất buồn khi chia tay với bạn trai.
6. Jim và Susan chắc hẳn đang trong mối quan hệ. Họ trông rất hạnh phúc bên nhau.

## GRAMMAR

**1. Put the words in the correct order to make questions. Sắp xếp các từ sau thứ tự đúng để tạo thành câu hỏi.**

### Đáp án

1. How did Peter feel when his girlfriend broke up with him?
2. Will I look if I cut my hair short?
3. How did you feel when you lost the game?
4. How did Martin's voice sound in the live show on TV last night?
5. How does your soup taste?
6. How would you feel if you had no friends?

### Hướng dẫn dịch

1. Peter cảm thấy thế nào khi bạn gái của anh ấy chia tay với anh ấy?
2. Tôi sẽ ỏn nếu tôi cắt tóc ngắn chứ?
3. Bạn cảm thấy thế nào khi thua trò chơi?
4. Giọng nói của Martin trong chương trình trực tiếp trên TV cuối cùng thế nào?
5. Món canh của bạn vị như thế nào?
6. Bạn cảm thấy thế nào khi bạn không có bạn bè?

**2. Write the answers to the questions in 1, using the suggested words.  
Dùng từ gợi ý để trả lời những câu hỏi ở bài tập 1.**

### **Đáp án**

1. He felt depressed.
2. You'll look attractive.
3. I felt disappointed.
4. His voice sounded awful.
5. It tastes great.
6. I'd feel lonely.

### **Hướng dẫn dịch**

1. Anh cảm thấy chán nản.
2. Bạn sẽ trông hấp dẫn.
3. Tôi cảm thấy thất vọng.
4. Giọng của anh ấy nghe có vẻ khủng khiếp.
5. Nó có vị tuyệt vời.
6. Tôi cảm thấy cô đơn.

**3. Join the two parts to make cleft sentences. Nối hai phần câu để tạo thành câu nhấn mạnh.**

### **Đáp án**

1. f: It was me that started arguing with Jim.

2. d: It's travelling around the world that has helped me to learn about other cultures.
3. a: It's on Friday that Sue usually visits her grandmother.
4. g: It's his attitude towards others that really upsets me.
5. b: It's John that is always telling lies.
6. c: It was my old friend that I got the news from.
7. e: It was in Paris that I started my first romantic relationship.

### **Hướng dẫn dịch**

- 1: Đó là tôi người mà bắt đầu cãi nhau với Jim.
- 2: Đó là chuyến đi khắp thế giới cái mà đã giúp tôi tìm hiểu về các nền văn hoá khác.
- 3: Đó là thứ Sáu lúc mà Sue thường thăm bà của cô ấy.
- 4: Đó là thái độ của anh ta đối với những người khác điều mà thực sự làm phiền tôi.
- 5: Đó là John người mà luôn nói dối.
- 6: Đó là người bạn cũ của tôi người mà tôi đã nhận được tin tức từ anh ấy.
- 7: Đó là ở Paris nơi mà tôi bắt đầu mối quan hệ lãng mạn đầu tiên của tôi.

Mời bạn đọc tham khảo thêm tài liệu Tiếng Anh [lớp 11](#) tại đây:

Bài tập Tiếng Anh lớp 11 theo từng Unit: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-11>

Bài tập Tiếng Anh lớp 11 nâng cao: <https://vndoc.com/tieng-anh-pho-thong-lop-11>



Bài tập trắc nghiệm trực tuyến Tiếng Anh lớp 11: <https://vndoc.com/test/mon-tieng-anh-lop-11>

